UBND TỈNH ĐẮK LẮK **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2456 /QĐ-SYT	*Đắk Lắk, ngày 09 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực Y tế tại Trạm Y tế phường Buôn Ma Thuột

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 về Quản lý trang thiết bị y tế; số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; số 04/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/03/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: số 22/2026/TT-BYT ngày 29/6/2026 Hướng dẫn danh mục máy móc, thiết bị cơ bản phục vụ hoạt động chuyên môn của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu; số 10/2026/TT-BYT ngày 14/5/2026 quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế và phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 0132/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 032/2025/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND tỉnh về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vị quản lý của tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-SYT ngày 17/8/2026 của Sở Y tế Đắk Lắk về việc thành lập Tổ thẩm định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế tại các Trạm Y tế cấp xã;

Xét đề nghị của Trạm Y tế phường Buôn Ma Thuột tại Tờ trình số 145/TTr-TYT ngày 28/10/2026 V/v đề nghị phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế; Ý kiến góp ý của Tổ thẩm định tại Báo cáo tổng hợp ngày 06/11/2026;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định và phòng Kế hoạch Tài chính, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực Y tế cho Trạm Y tế phường Buôn Ma Thuột, chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giám đốc Trạm Y tế phường Buôn Ma Thuột:

- Chịu trách nhiệm toàn diện về sự cần thiết, tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ pháp lý kèm theo đề xuất phê duyệt tiêu chuẩn, định mức của đơn vị (danh mục, chủng loại, số lượng, mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực y tế) đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Chịu trách nhiệm giải trình đầy đủ, kịp thời trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, giải trình, báo cáo rõ về việc đề xuất tiêu chuẩn, định mức đối với các danh mục, chủng loại, số lượng, đề xuất mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực y tế đề nghị phê duyệt đảm bảo không vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, pháp luật khác có liên quan và không ảnh hưởng đến tính công khai, minh bạch trong đấu thầu mua sắm tài sản tại cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức, thiết bị y tế chuyên dùng quy định tại Quyết định này để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị; quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị và chịu trách nhiệm đối với việc mua sắm, trang bị, quản lý và sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo định mức và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Tiếp tục rà soát tiêu chuẩn, định mức của máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực y tế đảm bảo đúng quy định và phù hợp với nhu cầu, sự phát triển của đơn vị. Kịp thời đề xuất, báo cáo Sở Y tế xem xét điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định

mức máy móc, thiết bị chuyên dùng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế các Quyết định của Sở Y tế về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực Y tế của Trạm Y tế phường Buôn Ma Thuột (trước đây).

Điều 4. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở; Giám đốc Trạm Y tế phường Buôn Ma Thuột và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (biết);
- Sở Tài chính (biết);
- GĐ, các PGĐ Sở;
- TYT phường BMT;
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

Nay Phi La

PHỤ LỤC
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ CỦA TRẠM Y TẾ PHƯỜNG BUÔN MA THUỘT

(Kèm theo Quyết định số 2456 /QĐ-SYT ngày 09 /11/2026 của Sở Y tế)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên thiết bị/Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa, trong đó:				Mức giá tối đa/01 thiết bị
			Tổng cộng	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 3	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
A	**Danh mục theo thông tư số 22/2026/TT-BYT**						
Nhóm thiết bị lĩnh vực y, dược cổ truyền							
1	Tủ, giá, kệ đựng vị thuốc cổ truyền	Cái	4	2	1	1	49,6
Nhóm thiết bị lĩnh vực khám, nội khoa tổng quát							
2	Đèn khám bệnh	Cái	4	2	1	1	26
3	Máy khí dung	Máy	6	2	2	2	20
Nhóm thiết bị lĩnh vực sản khoa							
4	Máy Doppler tim thai	Máy	1	1	0	0	24
5	Máy soi cổ tử cung	Máy	1	1	0	0	306,5
6	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	1	1	0	0	150
Nhóm thiết bị Cấp cứu, tiểu phẫu							
7	Bàn bột bó xương	Cái	1	1	0	0	34,2
8	Giường cấp cứu	Cái	6	2	2	2	16,6
9	Máy hút dịch	Máy	4	2	1	1	76,3
Nhóm thiết bị xét nghiệm, phân tích, chẩn đoán							
10	Kính hiển vi	Cái	4	2	1	1	98
11	Máy điện tim	Máy	3	1	1	1	100
12	Máy đo độ loãng xương	Máy	1	1	0	0	1.015,4
13	Máy ly tâm	Máy	1	1	0	0	89,932
14	Máy phân tích nước tiểu tự động	Máy	1	1	0	0	114
15	Máy siêu âm tổng quát	Máy	3	1	1	1	1.598,9
16	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	1	1	0	0	2.650
17	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	1	1	0	0	500
18	Máy xét nghiệm miễn dịch	Máy	1	1	0	0	350
19	Máy xét nghiệm sinh hóa	Máy	1	1	0	0	896,7

STT	Tên thiết bị/Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa, trong đó:				Mức giá tối đa/01 thiết bị
			Tổng cộng	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 3	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
20	Pipette/Micropipet các loại + giá đỡ	Bộ	1	1	0	0	23,9
Nhóm thiết bị phục hồi chức năng							
21	Máy điều trị điện từ trường	Máy	1	1	0	0	172
22	Máy điều trị sóng ngắn	Máy	1	1	0	0	368
23	Máy kéo dãn cột sống	Máy	1	1	0	0	361,4
Nhóm thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn							
24	Máy giặt đồ vải	Máy	1	1	0	0	302,4
25	Máy khử khuẩn không khí	Máy	1	1	0	0	99,5
26	Máy sấy đồ vải	Máy	1	1	0	0	158,8
27	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	4	2	1	1	95
28	Tủ sấy	Cái	4	2	1	1	148,3
Nhóm máy móc, thiết bị khác							
29	Hệ thống lọc nước RO cơ bản	Hệ thống	3	1	1	1	100,9
30	Hòm lạnh bảo quản vắc xin	Cái	2	2	0	0	51,6
31	Máy phun tồn lưu	Máy	2	2	0	0	30
32	Máy phun hóa chất	Máy	4	4	0	0	67,5
33	Tủ bảo quản vắc xin	Cái	8	4	2	2	61,8
34	Tủ bảo quản vắc xin (Công suất lớn)	Cái	2	2	0	0	550
35	Tủ lạnh bảo quản thuốc, sinh phẩm có điều kiện bảo quản đặc biệt	Cái	4	2	1	1	29,8
Thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động chuyên môn và chuyển đổi số							
36	Hạ tầng mạng và kết nối công nghệ thông tin, bao gồm:						
36.1	Router cân bằng tải	Cái	1	1	0	0	103,2
36.2	Thiết bị chuyển mạch trung tâm (Switch mạng)	Cái	2	2	0	0	
36.3	Bộ phát Wifi chuyên dụng	Bộ	1	1	0	0	
36.4	Tủ rack	Cái	1	1	0	0	
36.5	Bộ lưu điện UPS	Cái	2	2	0	0	
36.6	Camera giám sát IP	Cái	6	6	0	0	
36.7	Thiết bị VPN	Thiết bị	1	1	0	0	
37	Thiết bị máy chủ và lưu trữ, bao gồm:						

STT	Tên thiết bị/Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa, trong đó:				Mức giá tối đa/01 thiết bị
			Tổng cộng	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 3	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
37.1	NAS lưu trữ	Thiết bị	1	1	0	0	42,9
37.2	Ổ cứng backup ngoài	Cái	1	1	0	0	
38	Thiết bị đầu cuối phục vụ chuyên môn, bao gồm:						
38.1	Máy tính để bàn	Cái	5	3	1	1	302,4
38.2	Máy tính xách tay	Cái	3	1	1	1	
38.3	Máy tính bảng	Cái	3	1	1	1	
39	Thiết bị bảo mật và an toàn thông tin, bao gồm:						
39.1	Thiết bị tường lửa	Thiết bị	1	1	0	0	134,2
39.2	Bản quyền tường lửa	License	1	1	0	0	
39.3	Phần mềm diệt virus bản quyền	Phần mềm	8	4	2	2	
40	Thiết bị Telehealth/ Telemedicine, bao gồm:						
40.1	Camera hội nghị	Cái	1	1	0	0	196,9
40.2	Micro hội nghị đa hướng	Cái	1	1	0	0	
40.3	Loa hội nghị	Cái	1	1	0	0	
40.4	Màn hình hội nghị	Cái	1	1	0	0	
40.5	Bộ codec hội nghị trực tuyến	Bộ	1	1	0	0	
40.6	Máy tính telehealth chuyên dụng	Cái	1	1	0	0	
41	Thiết bị khác, bao gồm:						
41.1	Máy in laser	Cái	5	3	1	1	233,4
41.2	Máy in mã vạch/QR	Cái	3	1	1	1	
41.3	Thiết bị quét mã QR CCCD	Cái	3	1	1	1	
41.4	Thiết bị lấy dấu vân tay bệnh nhân	Cái	3	1	1	1	
41.5	Chứng thư số ký hồ sơ khám chữa bệnh	Gói	3	1	1	1	
41.6	Chữ ký số Bác sỹ/cán bộ y tế	Gói	30	20	5	5	
41.7	Chữ ký số cá nhân USB Token	Gói	4	4	0	0	
41.8	Máy scan tài liệu tốc độ cao	Cái	1	1	0	0	
41.9	Webcam	Cái	1	1	0	0	
41.10	SIM cho thiết bị mạng dự phòng di động	Gói	1	1	0	0	
41.11	Smart TV	Cái	1	1	0	0	

STT	Tên thiết bị/Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa, trong đó:				Mức giá tối đa/01 thiết bị
			Tổng cộng	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 3	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
41.12	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	1	1	0	0	
41.13	Máy bấm số thứ tự điện tử	Bộ	1	1	0	0	
B	**Danh mục ngoài thông tư số 22/2026/TT-BYT**						
1	Máy đốt cổ tử cung	Cái	1	1	0	0	318
2	Bộ dụng cụ hàn răng sâu ngà đơn giản	Bộ	4	2	1	1	36